

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - THANH HÓA

Bản án số: 62/2025/HNGĐ - ST

Ngày 28 - 11 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Nguyễn Bảo Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2025/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/11/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 038187021604; ngày cấp: 12/4/2022

ĐKKHKT: Thôn Đ, xã C, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn X, xã Y, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 038085039459; ngày cấp: 15/8/2021

ĐKKHKT: Thôn Đ, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 04/8/2025, bản tự khai ngày 10/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nay là UBND xã Y, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 31/12/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, tuy nhiên thời gian gần đây vợ

chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Anh H uống rượu về luôn đánh đập và chửi bới vô cớ. Dẫn đến vợ chồng nhiều lần pH sống ly thân. Năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân 3 năm, vì tình thương con nên chị đã quay về nhưng anh H vẫn không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2025 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh H cũng không có biện pháp khắc phục để vợ chồng đoàn tụ. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn H.

- Về con chung: Chị và anh Lê Văn H có 2 con chung là Lê Đăng D, sinh ngày 29/9/2010 và Lê Thị Huyền A, sinh ngày 27/5/2015. Hiện nay 2 con đang ở cùng anh H tại thôn Đ, xã C, tỉnh Thanh Hóa. Tại Đơn khởi kiện chị có nguyện vọng xin được nuôi 2 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Nay để đảm bảo nơi ở, nơi học tập cho 2 con được ổn định nguyện vọng của chị giao 2 con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng) kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân đến khi 2 con thành niên.

- Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 05/11/2025 bị đơn anh Lê Văn H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nay là UBND xã Y, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 31/12/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Tuy nhiên trong cuộc sống có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Mỗi lần xảy ra mâu thuẫn chị T lại tự ý bỏ đi và chị T đã chính thức về nhà ngoại ở từ tháng 02/2025 đến nay. Vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Đến nay chị T xin ly hôn anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

- Về con chung: Anh và chị T có 2 con chung là Lê Đăng D, sinh ngày 29/9/2010 và Lê Thị Huyền A, sinh ngày 27/5/2015. Hiện nay 2 con đang ở cùng anh H. Anh làm nghề lao động tự do, có thu nhập ổn định, có nhà riêng. Để đảm bảo không xáo trộn cuộc sống của 2 con nếu vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi 2 con và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng).

- Về tài sản và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:* Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại Đơn xin xét xử vắng mặt chị T và anh H vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày, không bổ sung gì thêm.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Văn H.

+ Về con chung: Giao 2 cháu Lê Đăng D, sinh ngày 29/9/2010 và Lê Thị Huyền A, sinh ngày 27/5/2015 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng).

+ Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Anh Lê Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn và nuôi con là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 BLTTDS.

- Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS để xét xử vắng mặt chị T và anh H theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2. 1]. Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn H dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân nhiều lần và chính thức ly thân từ tháng 3 năm 2025 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh H. Về phía anh H, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp hòa giải khắc phục mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh H là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh H có 2 con chung là Lê Đăng D, sinh ngày 29/9/2010 và Lê Thị Huyền A, sinh ngày 27/5/2015. Hiện nay 2 con đang ở với anh H tại nhà riêng ở thôn Đ, xã C. Khi ly hôn chị T giao 2 con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Quan điểm của anh H cũng xin được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con. Cháu Lê Đăng D và Lê Thị Huyền A cũng có nguyện vọng xin được ở với bố. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các con và phù hợp nguyện vọng của chị T và anh H cần giao 2 cháu Lê Đăng D và Lê Thị Huyền A cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 11/2025 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

[2. 3]. Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T pH chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao 2 con là Lê Đăng D, sinh ngày 29/9/2010 và Lê Thị Huyền A, sinh ngày 27/5/2015 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 11/2025 đến khi 2 con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0001183 ngày 08/10/2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị T còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Y, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

